

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang 05 năm 2016 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Qua xem xét Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2011 - 2015 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang 05 năm 2016 - 2020; dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang 05 năm 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 51/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ban Văn hoá - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang 05 năm 2016 - 2020, với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động mọi nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; cải thiện môi trường thu hút đầu tư; phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn trọng điểm gắn với tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của các ngành, các thành phần kinh tế. Phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, mở rộng các hoạt động đối

ngoại và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phấn đấu đến năm 2020 Tiền Giang là tỉnh phát triển bền vững trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP, giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 8,5 - 9,5%/năm; trong đó, khu vực nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4,0%/năm, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 15,5 - 17,5%/năm, khu vực dịch vụ tăng 7,5 - 8,6%/năm. Đến năm 2020, tổng GRDP (theo giá hiện hành) đạt 119.020 - 124.550 tỷ đồng.

b) Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 31,3 - 32,7%; công nghiệp - xây dựng chiếm 32,3 - 33,6%; dịch vụ chiếm 34,9 - 35,1% trong tổng GRDP.

c) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 66,3 - 69,3 triệu đồng/người (theo giá thực tế), tương đương 2.606 - 2.727 USD/người.

d) Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt khoảng 3,4 tỷ USD, tăng bình quân 13,3%/năm giai đoạn 2016 - 2020; kim ngạch nhập khẩu đến năm 2020 khoảng 2 tỷ USD, tăng bình quân 14,9%/năm.

đ) Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa phương năm 2020 đạt 9.116 tỷ đồng và cả giai đoạn 2016 - 2020 thu đạt 36.875 tỷ đồng, tăng bình quân 11,1%/năm. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 khoảng 13.000 tỷ đồng và cả giai đoạn 2016 - 2020 chi khoảng 58.114 tỷ đồng; trong đó chi đầu tư phát triển khoảng 17.050 tỷ đồng.

e) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 đạt 169.790 - 188.300 tỷ đồng, chiếm 36,4-39,5% GRDP. Trong đó, vốn ngân sách 17.050 tỷ đồng.

2.2. Về văn hóa, xã hội

a) Tốc độ tăng dân số trung bình khoảng 0,8%/năm; giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,1%. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 30 - 35%.

b) Mỗi năm tạo việc làm cho khoảng 20 nghìn lao động.

c) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 là 51%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 40%.

d) Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 3% năm 2020.

đ) Xây dựng nông thôn mới, đến năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn quốc gia.

e) Đến năm 2020, số bác sĩ/vận dân đạt 07 bác sĩ; số giường bệnh/vận dân đạt 23 giường bệnh; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi dưới 12,6%; tỷ lệ xã đạt tiêu chí về y tế xã là 100%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế là 82%.

g) Đến năm 2020, tỷ lệ huy động học sinh nhà trẻ đạt 15%, mẫu giáo đạt 85%, bậc tiểu học đạt 100%, cấp trung học cơ sở là 99%, trung học phổ thông và tương đương đạt 80%; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia ở các bậc học mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông là 50% và bậc tiểu học là 75%; 100% trường cao đẳng, trung cấp đạt chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo.

2.3. Về môi trường

a) Đến năm 2020, có 100% dân số nông thôn có nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó trên 90% dân số sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung.

b) Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đến năm 2020 đạt 95%; trên 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

3. Tiếp tục hình thành 05 đột phá chiến lược

a) Hình thành các cực tăng trưởng, vùng trọng điểm kinh tế. Hình thành các khu công nghiệp tập trung của tỉnh ở khu vực Gò Công, Đông Nam Tân Phước gắn với hệ thống khu công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại ở cả đô thị và nông thôn. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng ở các cụm, khu công nghiệp để thu hút các dự án đầu tư; nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước để nâng cao mức sống nhân dân.

c) Tập trung đầu tư, hình thành hệ thống các sản phẩm chủ lực trong những ngành và lĩnh vực có lợi thế so sánh (nhất là sản phẩm nông nghiệp, du lịch). Xác định các vùng trọng điểm để đầu tư về sản phẩm nông nghiệp và du lịch sinh thái; tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thâm canh và ứng dụng công nghệ cao.

d) Đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, phát triển các đô thị trung tâm, đô thị ngoại vi và các điểm dân cư nông thôn. Tập trung phát triển các khu đô thị trung tâm của thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy; hình thành các thị trấn, khu dân cư, khu đô thị - dịch vụ mới gắn với phát triển các khu công nghiệp của tỉnh.

e) Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững

kinh tế - xã hội của tỉnh. Quan tâm, tạo điều kiện tốt cho việc phát triển nguồn nhân lực trong, ngoài tỉnh và nước ngoài, nhất là đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh

Cùng cả nước tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển nhanh, bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hoá - xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

a) Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Hoàn thành và triển khai thực hiện tốt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp dựa trên đổi mới tổ chức sản xuất đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất và thị trường, ứng dụng khoa học, công nghệ; nâng cao thu nhập, đời sống của dân cư nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng sản xuất tập trung, xác định các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có tiềm năng lợi thế để ưu tiên đầu tư phát triển; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phát triển bền vững và vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Khai thác lợi thế, tiềm năng của tỉnh có nền nông nghiệp đa dạng trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đối với cây lúa, sẽ giảm dần diện tích lúa 03 vụ ở các vùng thiếu nước, ảnh hưởng lũ, diện tích lúa còn lại chủ yếu là sản xuất giống chất lượng cao, đặc sản; ưu tiên sản xuất lúa gạo theo mô hình cánh đồng lớn, hợp tác xã sản xuất, bảo vệ hiệu quả vùng đất trồng lúa năng suất cao và sản xuất lúa theo tiêu chuẩn GAP. Đối với cây ăn trái, áp dụng sản xuất theo hướng GAP, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm; tập trung phát triển các loại cây ăn quả có thể mạnh, có lợi thế so sánh của tỉnh như xoài cát Hòa Lộc, sầu riêng Ngũ Hiệp, thanh long Chợ Gạo, vú sữa lò rèn Vĩnh Kim, khóm Tân Phước, sơ ri Gò Công. Đối với chăn nuôi, từng bước chuyển chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, nhất là ở khu vực đã được quy hoạch; hướng dẫn chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp;

tiếp tục phát huy tốt đàn vật nuôi có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như gia súc, gia cầm. Đối với thủy sản, tập trung sản xuất thâm canh đối với các đối tượng nuôi chủ lực như tôm, cá tra; phát triển nuôi theo hướng luân canh, xen canh thủy sản - lúa phù hợp với điều kiện canh tác của từng vùng; tăng cường công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá.

Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng giữa sản xuất với chế biến - tiêu thụ - kho vận; cải thiện mối quan hệ giữa nông dân và doanh nghiệp đối với vùng chuyên canh. Khuyến khích liên kết giữa hộ nông dân sản xuất với tổ chức tín dụng, tổ chức khoa học, công nghệ và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất và quản lý; thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và hình thành 3 - 4 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; áp dụng rộng rãi giống mới và kỹ thuật nuôi trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, an toàn thực phẩm; đảm bảo chất lượng sản phẩm nông sản đạt các tiêu chuẩn TBT (hàng rào kỹ thuật trong thương mại) và SPS (vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật Việt Nam); điều chỉnh linh hoạt hệ thống canh tác thích ứng với biến động thị trường.

Tập trung thực hiện hiệu quả và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đến năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Kết hợp nhiều nguồn vốn: ngân sách nhà nước, tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn lực ngoài Nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tại địa bàn nông thôn. Đồng thời đẩy mạnh đào tạo nghề với các hình thức đa dạng, phù hợp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn.

b) Đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp; Đề án phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; hoàn thành và triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình phát triển công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Đầu tư, thu hút đầu tư khai thác hạ tầng các khu công nghiệp đã quy hoạch như vùng công nghiệp Đông Nam Tân Phước, vùng Gò Công, các cụm công nghiệp đã được quy hoạch nhanh chóng đưa vào hoạt động và phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện tái cấu trúc ngành

công nghiệp và ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ, có tỉ trọng giá trị gia tăng cao. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng bình quân khoảng 15,5 - 17,5%/năm; đến năm 2020 tỉ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP khoảng 32,3 - 33,6%.

Phát triển công nghiệp đa ngành, tạo ra sản phẩm phong phú hơn, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn; tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống, hàng may mặc, giày dép hướng về xuất khẩu.

Với vị trí thuận lợi, phần đầu thu hút một số doanh nghiệp - tập đoàn lớn nhằm làm hạt nhân phát triển các vệ tinh (là doanh nghiệp nhỏ và vừa) và là mắt xích quan trọng trong quá trình phát triển theo cụm liên ngành và trong chuỗi giá trị sản xuất nguyên liệu - chế biến - kho vận - tiêu thụ. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt và thu hút đầu tư những ngành nghề tỉnh có lợi thế so sánh, có kết nối với tỉnh, thành trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, các tỉnh lân cận, nhất là sự lan tỏa phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ từ thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu. Ưu tiên đầu tư hạ tầng như giao thông, cấp điện, cấp nước,... nhất là các trục giao thông kết nối từ 02 vùng công nghiệp mới của tỉnh là khu vực công nghiệp Đông Nam Tân Phước và khu vực công nghiệp Gò Công với các trục giao thông chính.

c) Phát triển các ngành dịch vụ

Khai thác lợi thế về cảnh quan, khoảng cách với thành phố Hồ Chí Minh và vị trí địa lý thuận lợi có thể tạo lập thế đầu mối - trung chuyển - phân luồng, phát triển các lĩnh vực có thể mạnh như thương mại, du lịch, kho vận, tài chính ngân hàng, bất động sản và thu hút các dịch vụ giảm áp về giáo dục, y tế, văn hóa từ thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 7,5 - 8,6%/năm. Tỉ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 34,9 - 35,1% vào năm 2020.

Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ; phát triển mạnh thị trường nội địa, khu vực nông thôn; chú trọng phát triển thương mại điện tử và xây dựng thương hiệu hàng hoá của tỉnh, tích cực mở rộng và đa dạng hóa thị trường ngoài nước. Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các hiệp hội và cơ quan quản lý để phát triển mạnh thị trường trong và ngoài nước; khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ chuyển từ gia công, xuất khẩu ủy thác sang xuất khẩu trực tiếp. Đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu các sản phẩm chủ lực, tiềm năng của tỉnh và thay thế dần các nguồn nguyên liệu nhập

khẩu. Tăng cường xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực, hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của các Hiệp định, Thoả thuận thương mại để thúc đẩy xuất khẩu. Phấn đấu đạt tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân khoảng 13,3%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Tăng cường công tác quản lý thị trường để ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Nghiên cứu từng bước thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics trong khu vực dự kiến hình thành Khu kinh tế Gò Công để phục vụ tốt cho hoạt động của các bến cảng, khu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và làm đầu mối trung chuyển, lưu kho bảo quản cho các tỉnh trong khu vực.

Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sản phẩm đa dạng và tính chuyên nghiệp cao. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch tỉnh. Tập trung đầu tư phát triển các điểm du lịch trọng điểm mới để thúc đẩy phát triển du lịch Tiền Giang và khai thác hiệu quả, bền vững các di sản văn hoá, di tích lịch sử, phong cảnh sông nước, vườn cây ăn trái và gìn giữ vệ sinh môi trường; trong đó ưu tiên phát triển du lịch Cù lao Thới Sơn, hệ thống cảnh quan sông Tiền gắn kết với các khu điểm du lịch trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2015 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Phát triển mạnh dịch vụ thông tin truyền thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và sử dụng Chính phủ điện tử nhằm phục vụ tốt cho người dân và từng bước chuyển sang làm việc qua mạng với văn bản điện tử.

Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ tín dụng - ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Thực hiện tốt các chương trình tín dụng do Chính phủ chỉ định như cho vay hỗ trợ lãi suất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách tín dụng trong nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ,...

Tăng cường quản lý và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng vận tải hành khách theo tuyến cố định, nâng cấp các Bến xe theo tiêu chuẩn, tiếp tục

phát triển vận tải xe buýt, vận tải taxi đáp ứng yêu cầu phát triển của các đô thị. Tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải.

Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển mạnh các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, thể thao..., nhất là dịch vụ chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe.

d) Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển, phát huy lợi thế 03 vùng kinh tế của tỉnh

- *Vùng kinh tế - đô thị trung tâm*: gồm thành phố Mỹ Tho, huyện Chợ Gạo và huyện Châu Thành; trong đó, thành phố Mỹ Tho là đô thị trung tâm của tỉnh. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển đô thị, giáo dục - đào tạo, y tế; phát triển công nghiệp chế biến nông - thủy sản, thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái cù lao trên sông Tiền, du lịch văn hóa - lịch sử; phát triển nông nghiệp đô thị (trồng hoa, cây cảnh, rau an toàn,...) ứng dụng công nghệ cao.

- *Vùng kinh tế - đô thị phía Đông*: gồm thị xã Gò Công và các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông; trong đó, thị xã Gò Công là đô thị trung tâm vùng. Tiếp tục đầu tư phát triển công nghiệp cơ khí, dịch vụ cảng, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái biển, bảo tồn rừng ngập mặn.

- *Vùng kinh tế - đô thị phía Tây*: gồm thị xã Cai Lậy và các huyện Cai Lậy, Cái Bè, Tân Phước; trong đó, thị xã Cai Lậy là đô thị trung tâm vùng. Tiếp tục đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản (lúa gạo, trái cây); nông nghiệp công nghệ cao; phát triển thương mại - dịch vụ chợ đầu mối nông sản; du lịch sinh thái cảnh quan vườn cây ăn trái, vùng Đồng Tháp Mười và du lịch tâm linh.

e) Phát triển kinh tế biển

Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành khai thác, chế biến dầu khí; cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, vận tải biển; khai thác và chế biến hải sản, các dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch biển. Xây dựng các khu, cụm công nghiệp tập trung ven biển và định hướng xây dựng Khu kinh tế Gò Công. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất và đời sống vùng biển. Xây dựng các cơ sở hậu cần nghề cá, tránh trú bão, hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ và hoạt động dài ngày trên biển. Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm an ninh, an toàn trên biển.

g) Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp

Về doanh nghiệp nhà nước, tiếp tục thực hiện và hoàn thành cổ phần hóa các công ty TNHH MTV Công trình đô thị thị xã Gò Công, Chăn nuôi Tiền

Giang, Cấp nước Tiền Giang, Cấp nước nông thôn Tiền Giang. Chỉ đạo 2 công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tiền Giang, Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang và người đại diện phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần trên xây dựng chiến lược, kế hoạch 05 năm và kế hoạch hàng năm về phát triển sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển.

Về doanh nghiệp tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân để tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Hoàn thiện các thủ tục hành chính và xây dựng các cơ chế, chính sách, đất đai hợp lý để thu hút doanh nghiệp tư nhân. Có giải pháp trợ giúp để phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ gia đình, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin. Khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia vào chuỗi giá trị trong và ngoài nước.

Về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư của tỉnh đối với doanh nghiệp, nhất là các dự án có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông thủy sản, may mặc, giày dép, đào tạo nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao....

Về kinh tế hợp tác, hướng dẫn các Hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp khả năng và yêu cầu phát triển, chủ động khai thác tốt tiềm năng, không ỷ lại hoặc trông chờ vào các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho các Hợp tác xã được thuê đất hoặc giao đất có thu tiền để Hợp tác xã xây dựng văn phòng, nhà xưởng sản xuất, kho bãi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị

Để thực hiện mục tiêu “Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả ở đô thị và nông thôn”, nhất là hệ thống giao thông, đô thị là nhiệm vụ đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội; tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 30-35%. Tập trung thực hiện một số giải pháp:

- Tổ chức rà soát các quy hoạch xây dựng, kết cấu hạ tầng đã có, trên cơ sở đó đánh giá sự phù hợp với xu thế phát triển để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc lập mới quy hoạch những khu vực trọng điểm để ưu tiên đầu tư phát triển đô thị, khu trung tâm, khu vực nông thôn. Khắc phục tình trạng chồng chéo, thiếu đồng bộ trong quy hoạch xây dựng đô thị với các quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, quy hoạch nông thôn mới. Phát huy vai trò của các tổ chức phân

biện, nâng cao chất lượng đồ án quy hoạch; xác định nguồn lực, lộ trình thực hiện hợp lý, khả thi.

- Chú trọng thực hiện phát triển xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình trọng điểm, đặc biệt là hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị. Bảo đảm kết nối thông suốt giữa đô thị và nông thôn, giữa các khu, cụm công nghiệp với các trục giao thông chính. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông tại các vùng khó khăn, vùng chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm tính hiệu quả và đồng bộ, nhất là mạng lưới giao thông, điện, nước, thủy lợi, thông tin truyền thông, giáo dục, y tế. Trong thời gian đầu ưu tiên đầu tư cho các công trình đầu mối, các công trình giao thông kết nối các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực đô thị, khu vực trung tâm ở nông thôn.

- Ưu tiên nguồn ngân sách để đầu tư các công trình thiết yếu, khó huy động vốn từ các nguồn lực xã hội. Tranh thủ các nguồn vốn Trung ương, vay ưu đãi, vốn ODA, mời gọi đầu tư để phát triển hạ tầng đô thị. Tăng cường hợp tác đầu tư bằng nhiều hình thức như PPP, BOT, BT,... vào các lĩnh vực thương mại dịch vụ, du lịch, hạ tầng. Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên nguyên tắc phải đầu tư đồng bộ tránh dàn trải, kết hợp vừa đầu tư mới và vừa chỉnh trang, duy tu để sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật hiện có. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, lập các danh mục dự án và cơ chế ưu tiên cụ thể để công khai, mời gọi đầu tư; ưu tiên các dự án nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống đô thị như đầu tư các khu vui chơi giải trí, xử lý nước thải, rác thải.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách thu hút đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng thông thoáng đảm bảo theo quy định của pháp luật, phù hợp với đặc thù của đô thị, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người dân, đảm bảo cuộc sống của người dân chuyển từ nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp,...

3. Nhóm giải pháp huy động vốn đầu tư

Đề khai thác hiệu quả thế mạnh, nguồn lực hiện có cũng như những nguồn lực trong tương lai nhằm đảm bảo thu hút tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 05 năm (2016-2020) đạt 170 -188 nghìn tỷ đồng, phát triển đồng bộ 03 vùng kinh tế của tỉnh (vùng Trung tâm, vùng phía Tây, vùng phía Đông) góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ X đề ra. Giải pháp thu hút đầu tư sẽ tập trung vào 05 khâu đột phá của tỉnh, cụ thể:

- Nguồn lực đầu tư công trong 05 năm tới chú trọng phân bổ có trọng tâm, trọng điểm để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với định hướng

phát triển 03 vùng kinh tế - đô thị của tỉnh. Huy động nhiều nguồn lực (ngân sách Trung ương, địa phương, mời gọi đầu tư bằng nhiều hình thức..) tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng như: giao thông, cấp điện, cấp nước, cảng... Trong đó, chú trọng đầu tư hoàn thành các công trình giao thông kết nối các khu vực công nghiệp, thương mại dịch vụ trọng điểm gắn với các tuyến đường giao thông như: đường tỉnh 878, đường tỉnh 871, đường tỉnh 877C, đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông kết nối các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, du lịch....Tập trung đầu tư phát triển đô thị trung tâm của 03 vùng (thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy và thị xã Gò Công), các đô thị trung tâm các huyện, hình thành các thị trấn, khu dân cư, khu đô thị - dịch vụ mới gắn với các khu công nghiệp của tỉnh. Đầu tư hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất khu vực phía Đông; đầu tư cải tạo hệ thống điện đảm bảo cung cấp hoạt động sản xuất ổn định...

- Tập trung rà soát và nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đầu tư thông thoáng, một mặt phải triển khai thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương trên địa bàn tỉnh, mặt khác cần nghiên cứu và ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc thù của tỉnh trong phạm vi thẩm quyền. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi đầu tư trên thực tế (chính sách ưu đãi chung, chính sách ưu đãi nông nghiệp - nông thôn, chính sách ưu đãi trong lĩnh vực xã hội hóa...). Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch các khu dân cư, đô thị, các tiểu vùng kinh tế động lực làm cơ sở cho việc kêu gọi và định hướng đầu tư theo đúng định hướng phát triển và yêu cầu quản lý.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện cải cách đồng bộ trong các lĩnh vực như đầu tư, đăng ký kinh doanh, đất đai, xây dựng và môi trường theo hướng giảm thời gian giải quyết, loại bỏ những thủ tục không phù hợp, thực hiện liên thông...Giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thái độ phục vụ...của cán bộ, công chức, nhất là cán bộ, công chức giao tiếp, làm việc trực tiếp với nhà đầu tư, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “một cửa liên thông”, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư, doanh nghiệp....

- Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức triển khai tốt quy chế phối hợp trong hoạt động xúc tiến đầu tư, chú trọng xây dựng bộ máy và bố trí cán bộ chuyên trách công tác xúc tiến đầu tư tại các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Xây dựng Danh mục dự án mời gọi đầu tư theo hướng khả thi, nhất là đối với vấn đề mặt bằng, đất đai, hạ tầng trên cơ sở phù hợp với nguồn lực, thế mạnh và mục tiêu phát triển của từng vùng trong 03 vùng kinh tế của tỉnh để có kế hoạch quảng bá, giới thiệu, mời gọi nhà đầu tư tham gia thực hiện dự án. Có giải pháp xúc tiến, mời gọi đầu tư đối

với từng ngành, lĩnh vực như: công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp, giáo dục, y tế...phù hợp định hướng phát triển.

- Tăng cường phát triển nguồn nhân lực tại tỉnh, kể cả số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quy hoạch, đầu tư, thu hút đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và các thiết chế văn hóa, giáo dục ở cơ sở để nâng cao chất lượng đội ngũ lao động. Quan tâm đầu tư các công trình phúc lợi để phục vụ cho đời sống công nhân tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tạo sự đồng thuận, nhất quán giữa các ngành, các cấp trong mời gọi, thu hút đầu tư phát triển. Thực hiện tốt việc công khai quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt công tác vận động nhân dân tích cực ủng hộ các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư của tỉnh.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ

a) Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Về giáo dục phổ thông:

Tiếp tục điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng tinh giản; các trường chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy - giáo dục của nhà trường trên cơ sở đảm bảo mục tiêu, chương trình giáo dục và phù hợp với thực tiễn. Tiếp tục thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học các môn học khác.

Đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015; tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; đầu tư xây dựng trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia; từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật ở các cơ sở giáo dục và đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, bảo đảm số học sinh mỗi lớp không vượt quá quy định của từng cấp học, có 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương.

- Về đào tạo, dạy nghề:

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quy hoạch, đầu tư, thu hút đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề nhằm tạo đội ngũ lao động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ lao động. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ trong hàng ngũ cán bộ công chức quản lý nhà nước và quản lý kỹ thuật. Xác định cán bộ nguồn để đầu tư đào tạo bổ sung cho đội ngũ cán bộ khoa học nòng cốt của tỉnh; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, xây dựng một

số chế độ chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với thực tiễn trong từng giai đoạn. Có chính sách thu hút và bố trí việc làm tốt để thu hút những người có trình độ, năng lực sau khi học xong về tỉnh phục vụ; đồng thời dành một khoản kinh phí hợp lý, thoả đáng để khuyến khích đào tạo cán bộ, thu hút nguồn chất xám, nhân tài từ bên ngoài vào làm việc tại tỉnh. Phần đầu đến năm 2020, có trên 95% giảng viên có trình độ sau đại học (trong đó có 18 - 20% tiến sĩ) ở trường đại học; 07% tiến sĩ, 40% thạc sĩ ở trường cao đẳng và 30% thạc sĩ trở lên giảng dạy các trường trung cấp.

Điều chỉnh cơ cấu đào tạo, cân đối giữa đào tạo và sử dụng ở các trình độ và các ngành nghề khác nhau, đảm bảo nhân lực cho các ngành mũi nhọn, các chương trình kinh tế trọng điểm, tăng nhanh tỷ lệ đào tạo và đào tạo nghề. Tăng cường đầu tư, hợp tác đầu tư mở rộng quy mô trường Đại học Tiền Giang lên 12.000 sinh viên vào năm 2020 và nâng cao chất lượng theo hướng đào tạo đa ngành, đào tạo sau đại học một số ngành; tỷ lệ học sinh, sinh viên ra trường hàng năm có việc làm đạt trên 85%. Đẩy mạnh tư vấn hướng nghiệp trong các trường trung học. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học.

Khuyến khích và thực hiện ưu đãi để các trường mở cơ sở dịch vụ hoặc liên kết với doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu, quy trình công nghệ của trường để giáo viên có điều kiện thâm nhập thực tế, sinh viên, học sinh thực tập sản xuất, làm dịch vụ.

Về lâu dài, nghiên cứu phát triển trường Cao đẳng Y tế thành Khoa Y của Trường Đại học Tiền Giang như quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh đến năm 2020 đã được phê duyệt; tiếp tục hợp nhất trung tâm dạy nghề và trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp trên địa bàn từng huyện để thành lập trung tâm thực hiện 04 chức năng là giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và thu hút các nhà khoa học tham gia giảng dạy. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo.

b) Về lĩnh vực khoa học và công nghệ

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ. Tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức. Khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Tăng cường hợp tác nghiên cứu với các Viện, Trung tâm của Trung ương và thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ để giải quyết các vấn đề vướng mắc về khoa học công nghệ cho doanh nghiệp phục vụ phát triển ngành. Đầu tư đồng bộ các trang thiết bị, mạng thông tin hiện đại cho các Trung tâm ứng dụng,

tư vấn và chuyển giao công nghệ để có điều kiện liên doanh, liên kết với các Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong và ngoài nước.

Có cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ trọng điểm theo mô hình tiên tiến và triển khai những dự án khoa học, công nghệ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước và có cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Có chính sách trọng dụng và tôn vinh đội ngũ khoa học, công nghệ.

5. Phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Chuẩn bị nguồn lực, cải thiện môi trường đầu tư và có kế hoạch về quỹ đất nhằm thu hút các công trình giảm áp về giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa từ thành phố Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao điều kiện về giáo dục, sức khỏe và đời sống tinh thần của nhân dân.

Phát triển bền vững văn hoá, xã hội trên cơ sở gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao mức sống người có công, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là các vùng đặc biệt khó khăn. Chú trọng các giải pháp tạo điều kiện và khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo phấn đấu tự vươn lên thoát nghèo bền vững. Thực hiện tốt chính sách việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bảo đảm mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Phát triển y học cổ truyền. Quan tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phát triển hệ thống y tế dự phòng, chủ động phòng bệnh, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục nhanh tình trạng quá tải trong bệnh viện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng tiêu chuẩn quản lý và kiểm tra chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng. Nâng cao trình độ chuyên môn, trách nhiệm và y đức của đội ngũ cán bộ y tế. Chú trọng phát triển nhân lực y tế trình độ cao, tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển y tế ngoài công lập.

Đẩy mạnh công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Chú trọng công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình, cải thiện tình trạng mất cân bằng giới tính khi

sinh và nâng cao chất lượng cuộc sống. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hoá. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hoá tiêu biểu.

Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp. Quan tâm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Thực hiện hiệu quả các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá, xã hội.

6. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất. Khai thác và sử dụng bền vững nguồn nước. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ ven biển.

Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.

7. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Thực hiện nghiêm quy định về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ. Đề cao trách nhiệm của tổ chức đảng và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và xử lý nghiêm, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng, lãng phí. Tăng cường giám sát và phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Tạo chuyên biến mạnh mẽ trong nhận thức và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước nhằm phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp, lấy kết quả phục vụ người dân, doanh nghiệp là tiêu chí đánh giá. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực, trách

nhiệm và tính chuyên nghiệp cao. Đổi mới công tác tuyển dụng, đề bạt cán bộ, công chức, bảo đảm cạnh tranh, công khai, minh bạch. Đánh giá cán bộ, công chức phải trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ. Người đứng đầu cơ quan trong bộ máy nhà nước phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và phải được trao quyền quyết định tương ứng về tổ chức, cán bộ.

Tập trung cải cách thủ tục hành chính gắn với nâng cao chất lượng chính sách, pháp luật; quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm đối với từng thủ tục hành chính. Chỉ quy định những thủ tục hành chính thực sự cần thiết, hợp lý, đúng pháp luật và tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp. Công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính. Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công và thực hiện chính phủ điện tử. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm thống nhất, thông suốt trong lãnh đạo, quản lý, điều hành từ tỉnh đến cơ sở. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội đối với chính quyền các cấp. Tập trung vào cung cấp dịch vụ công, bảo đảm an sinh xã hội, an toàn xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống cho người dân.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển.

Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống, phấn đấu hạn chế tội phạm và tệ nạn xã hội. Tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng. Bảo đảm trật tự, an toàn và giảm tai nạn giao thông.

10. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế và điều kiện thuận lợi để phát triển

Chủ động thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã cam kết, đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do, khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực để mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cần đặt mối quan hệ với các Tham tán thương mại của Đại sứ quán nước ta tại các nước để hỗ trợ cho các doanh nghiệp có điều kiện nghiên cứu thị trường nước ngoài, giới thiệu sản phẩm, liên doanh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các công ty nước ngoài.

Tăng cường phối hợp giữa tỉnh với các Bộ, ngành Trung ương từ khâu nghiên cứu, hình thành dự án, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành và lãnh thổ; phối hợp giữa các ngành trong tỉnh, giữa tỉnh và các tỉnh khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong quá trình phát triển để đảm bảo lựa chọn hướng đi thích hợp với từng ngành, từng tỉnh, tránh đầu tư tràn lan, chồng chéo, trùng lặp, xác lập sự cân đối giữa cung và cầu, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục duy trì và phát huy tốt mối quan hệ kết nghĩa với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

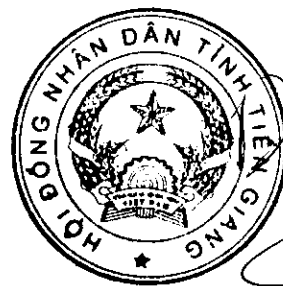
Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc vận động các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa VIII, kỳ họp thứ 14 thông qua và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tư pháp, Bộ KH và ĐT, Bộ TC;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Vụ IV (VPCP);
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh